TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/**2023/DS-ST.
Ngày: 01/8/2023
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Tạ Hồng Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Thanh Nghệ** và ông **Hoàng Văn Hùng**

*- Thư ký phiên to*à: Bà **Phạm Thị Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tất Lợi** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2023/TB-TA ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn V.**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Hà Thanh T.**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(*các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 25/8/2020 anh Hà Thanh T. có viết một giấy nhận nợ với anh Nguyễn Văn V. với nội dung: *"25/8/2020 dương em T. L., P. vay anh V. 100.000.000đ một trăm triệu. T. – Hà Thanh T."*, giấy có chữ ký của người vay tiền Hà Thanh T.. Ngày 18/5/2023, anh Nguyễn Văn V. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giải quyết tuyên buộc anh Hà Thanh T. có nghĩa vụ trả cho anh V. số tiền 160.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày viết đơn khởi kiện là 60.000.000 đồng và tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi trả hết tiền.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn V. trình bày: Do mối quan hệ quen biết anh có cho anh Hà Thanh T. vay tiền để lấy vốn làm ăn, số tiền vay 100.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả mà hẹn khi nào cần tiền anh đòi thì anh T. sẽ trả cả gốc và lãi. Khi vay có viết giấy tờ do anh T. là người trực tiếp viết và ký, giấy ghi số tiền vay, không ghi lãi suất và thời hạn trả vì lãi và thời hạn chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó, khi anh cần tiền có đòi nhiều lần nhưng anh T. không trả mà còn đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương. Nay anh T. đã trở về, anh tiếp tục sang đòi nhưng vẫn không trả. Do vậy, anh viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc anh Hà Thanh T. có nghĩa vụ trả cho anh số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử và tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi cho đến khi trả hết tiền nợ theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Hà Thanh T. trình bày: Khoảng năm 2020 anh có được vay anh Nguyễn Văn V. số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi theo thỏa thuận 2.000đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau đó anh đã trả tiền cho anh V. nhiều lần, mỗi lần trả cả gốc và lãi, khi trả không viết giấy tờ, chỉ đưa tiền cho anh V.. Do vậy anh không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án để chứng minh anh đã trả tiền. Sau khi trả xong tiền anh quên không lấy lại giấy vay tiền nên anh V. đã căn cứ vào giấy vay tiền để khởi kiện anh. Nay anh có quan điểm không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh V., không đồng ý trả tiền vì anh đã trả hết tiền cho anh V., đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết luận giám định: Tại Bản kết luận giám định số 841/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang thể hiện: chữ viết, chữ ký ghi tên Hà Thanh T. trên mẫu cần giám định ký hiệu M1 với chữ viết, chữ ký đứng tên Hà Thanh T. trên mẫu giám định M2, M3 là do cùng một người viết và ký.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương*:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền đề ngày 25/8/2020 dương thể hiện anh Hà Thanh T. có vay của anh Nguyễn Văn V. số tiền gốc 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T. không trả được tiền nên anh V. làm đơn khởi kiện ra Tòa án.

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 469 - Bộ luật Dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Hà Thanh T. có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V. số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định là 10%/năm từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về khoản tiền chi phí giám định, về lãi suất, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn V. đề nghị Tòa án giải quyết tuyên buộc anh Hà Thanh T. (Địa chỉ: Thôn L., xã P., huyện S, tỉnh Tuyên Quang) có nghĩa vụ trả cho anh V. số tiền đã vay gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay đến khi trả hết số tiền vay trên. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 26, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

2.1. Về khoản tiền vay và nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ Bản kết luận giám định số 841/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang; căn cứ lời khai của anh Hà Thanh T. có trong hồ sơ và tại phiên tòa; căn cứ bản chính giấy vay tiền do anh Nguyễn Văn V. cung cấp, thể hiện: Ngày 25/8/2020 anh Hà Thanh T. có vay anh Nguyễn Văn V. số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau đó do anh T. không trả được tiền nên anh V. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T. có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và lãi cho anh V. là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn anh Hà Thanh T. thừa nhận có được vay số tiền trên của anh V. và đã trả hết tiền vay cho anh V. nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã trả tiền cho anh V.. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thể hiện: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét những chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn là anh V. cung cấp và do Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể:

Tại giấy vay tiền đề ngày 25/8/2020 dương lịch có nội dung "*em T. L., P. vay anh V. 100.000.000đ một trăm triệu"*. Giấy có chữ ký của người vay tiền là Hà Thanh T..

Tại Bản kết luận giám định số 841/KL-KTHS ngày 28/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang thể hiện: chữ viết, chữ ký ghi tên Hà Thanh T. trên mẫu cần giám định ký hiệu M1 (bản gốc giấy vay tiền do anh V. cung cấp) với chữ viết, chữ ký đứng tên Hà Thanh T. trên mẫu giám định M2, M3 (giấy do anh T. trực tiếp viết và ký là mẫu so sánh) là do cùng một người viết và ký.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14/7/2023 và tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Thanh T. khai nhận: *khoảng năm 2020 anh có được vay anh V. số tiền 100.000.000 đồng, lãi theo thỏa thuận 2.000đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau đó anh đã trả tiền cho anh V. làm nhiều lần, mỗi lần trả cả gốc và lãi, khi trả không viết giấy tờ, chỉ đưa tiền cho anh V.*".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Trong vụ án này, bị đơn anh Hà Thanh T. phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng đã trả hết tiền vay cả gốc và lãi cho anh V. nhưng anh T. không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Lời khai của anh T. có trong hồ sơ và tại phiên tòa cũng thể hiện anh T. *"không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án để chứng minh đã trả tiền"* vì *"khi trả tiền không viết giấy tờ, chỉ đưa tiền cho anh V."*.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ngày 25/8/2020 anh Hà Thanh T. có vay của anh Nguyễn Văn V. số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là đúng thực tế. Việc anh T. khai đã trả hết tiền cho anh V. nhưng không cung cấp được chứng cứ, không chứng minh được việc anh đã trả tiền cho anh V. nên không có cơ sở xem xét.

2.2. Về lãi suất:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh V. trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, bị đơn anh T. trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất 2.000đồng/ ngày/1.000.000 đồng. Tại giấy vay tiền không thể hiện có lãi suất.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thể hiện "*Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Do các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về lãi suất theo quy định pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây thuộc trường hợp có "*thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất*" và căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao để tính lãi suất. Mức lãi suất theo quy định pháp luật được xác định 10%/năm; 0,83%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 26/8/2020 dương lịch đến ngày xét xử (ngày 01/8/2023) là 35 tháng 06 ngày, tính tròn là 35 tháng theo đề nghị của nguyên đơn.

Số tiền lãi được tính đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng = 29.050.000 đồng (hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

2.3. Từ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V. buộc anh Hà Thanh T. có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V. số tiền

nợ gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 29.050.000 đồng. Tổng cộng 129.050.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp anh Hà Thanh T. chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về chi phí tố tụng:

Theo giấy biên nhận số tiền chi phí giám định là 3.060.000 (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V. đã nộp số tiền tạm ứng chi phí giám định trên. Do yêu cầu của anh V. được chấp nhận nên bị đơn anh Hà Thanh T. phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh V. số tiền chi phí giám định là 3.060.000 (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Hà Thanh T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.452.500 đồng, làm tròn số 6.452.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V. không phải chịu án phí, trả lại cho anh V. số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 161, 162, 227, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466, 469, 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Buộc anh Hà Thanh T. có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn V. số tiền còn nợ 129.050.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 29.050.000 đồng.

Trường hợp anh Hà Thanh T. chậm trả tiền thì anh T. còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Hà Thanh T. có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn V. số tiền chi phí giám định là 3.060.000 (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng.

3. Về án phí: Anh Hà Thanh T. phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 6.452.000 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn V. không phải chịu án phí, trả lại cho anh V. số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002785 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh, huyện (02 bản);
- CC THA DS huyện SD (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến